

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829601] - Lắp đặt tủ điện
(CCQ2205A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 18...
Số bài thi:18...
Số tờ giấy thi: 18...

Thư *Đỗ* *Thư* *Đỗ*
Đồng Khánh *Đồng Khánh* *Đỗ* *Đỗ*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	9,4	9,0	9,2
2	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A		<i>Đỗ</i>	7,1	6,5	6,7
3	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		<i>Đông</i>	6,1	7,5	6,9
4	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A		<i>Đỗ</i>	9,4	9,5	9,5
5	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		<i>Đỗ</i>	6,9	7,0	7,0
6	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	6,7	7,0	6,9
7	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		<i>Thư</i>	3,9	4,0	4,0
8	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		<i>Khánh</i>	5,7	7,0	6,5
9	2120050115	Trương Duy	Khánh	13/06/2002	CCQ2005D		<i>Vũng</i>	0,0	0,0	0,0
10	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B		<i>Thư</i>	8,5	8,0	8,2
11	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	8,2	9,5	9,0
12	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	8,2	9,0	8,7
13	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	5,9	6,0	6,0
14	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		<i>Đỗ</i>	4,9	4,0	4,4
15	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	6,8	7,5	7,2
16	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	3,9	4,0	4,0
17	2122050084	Võ Văn Minh	Thuần	29/06/2004	CCQ2205C		<i>Vũng</i>	1,3	0,0	0,5
18	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		<i>Thư</i>	3,8	4,0	3,9
19	2122050114	Nguyễn Văn	Trương	08/03/2004	CCQ2205B		<i>Thư</i>	4,8	7,0	6,1
20	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		<i>Thư</i>	5,6	7,0	6,4